TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2019
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Thái Thị Đang

+ Ông Lê Quốc Tân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Phương T, sinh năm 1993
Trú tại: Thôn N, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trương Sỹ T, sinh năm 1988.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 11/5 M, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hiện ông Tính đang chấp hành án tại Trại giam A2 - Cục C10 - Bộ Công an (thuộc xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Phương T trình bày: Bà và ông Trương Sỹ T tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố N vào ngày 12/9/2011. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Ông T không chung thủy, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Từ năm 2013 đến nay, bà

và ông T không còn chung sống với nhau. Hiện ông T phạm tội và đang chấp hành án tại Trại giam A2. Nay, bà T xác định không còn tình cảm với ông T, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung: Có 01 con chung là Trương Mạnh T, sinh ngày 25/01/2011, bà T yêu cầu nuôi cháu T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2019 và đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 11/4/2019, bị đơn ông Trương Sỹ T trình bày: Ông T và bà Lê Thị Phương T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N vào năm 2011. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm, nay bà T yêu cầu ly hôn, ông Tcũng đồng ý. Về con chung: Có 01 con chung là Trương Mạnh T, sinh ngày 25/01/2011, hiện ông T đang chấp hành tại Trại giam A2 nên ông T đồng ý giao cháu T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có.

Ông T đồng ý để Tòa án nhân dân huyện D giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Do ông T đang chấp hành án tại Trại giam A2 nên ông T đề nghị Tòa án nhân dân huyện D tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt đối với ông T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Tòa án nhân dân huyện D đã tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thúy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trương Sỹ T vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Phương T và ông Trương Sỹ T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố N vào năm 2011 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét quá trình chung sống, giữa bà Lê Thị Phương T và ông Trương Sỹ T đều thừa nhận hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình. Hiện bà T và ông T đã không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên cả hai đều đồng ý thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của bà T và ông T là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông T.

[3] Về con chung: Bà T và ông T đều xác định có 01 con chung tên Trương Mạnh T, sinh ngày 25/01/2011, ông T đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện bà T đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu T cũng có nguyện vọng muốn ở với bà T. Vì vậy, xét nên giao cháu T cho bà T nuôi dưỡng là hợp lý. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T và ông T có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Phương T và ông Trương Sỹ T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Mạnh T, sinh ngày 25/01/2011 cho bà Lê Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ông Trương Sỹ T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trương Sỹ Tcó quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T và ông T có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Phương T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002527 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND phường P
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

<u>Nơi nhận:</u> **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
-TAND tỉnh Khánh Hòa; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Thị Ngọc Lệ